

Bản án số: **119/2019/HC-PT**

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

V/v Kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên cao cấp.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 97/2019/TLPT-HC ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc: “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2018/HC-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 863/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Ngô Thị S; Ông Nguyễn Văn H; Ông Lê Văn D và bà Võ Thị H; cùng địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Bà S, ông H, ông D có mặt; bà H vắng mặt.

1.2. Ông Phan Xuân L; địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Phạm Công U;** sinh năm 1963, địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Ngọc N** - Chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tuấn H** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: số 09 Lê Duẩn, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông **Trần Văn S** - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Lâm nghiệp B; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Quốc T- Phó tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B (theo văn bản ủy quyền số 53/GUQ-CT ngày 10/7/2018). Có mặt.

3.2. Ngân hàng TMCP X Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3.3. Ông Lê Văn L1; anh Lê Văn L2; Bà Võ Thị L; anh Phan Xuân Đ; Bà Lê Thị B; cùng địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1, anh L2, bà B, bà L, anh Đ: Ông **Phạm Công U**; địa chỉ: Tp. Hồ Chí Minh. Có mặt.

4. Người kháng cáo: ông Phạm Công U, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia với bên người khởi kiện đều thống nhất trình bày:

Bà S, ông D, ông H, ông L là những người sử dụng đất trên địa bàn xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc đất của Bà S là do tự khai hoang từ năm 1993 và đến năm 2008 có tặng cho một phần cho con trai là Lê Văn D, ông L khai hoang từ năm 2005 và một phần nhận chuyển nhượng của người dân tộc tại chỗ, ông H nhận chuyển nhượng của Lê Văn T. Sau đó, Công ty Đầu tư phát triển B (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B) đã đến và yêu cầu các hộ này phải ký vào Hợp đồng giao khoán và phải nộp sản lượng hàng năm. Ban đầu, các hộ không đồng ý, nhưng sau đó bị công ty ép buộc

phải ký, nếu không ký sẽ bị lấy lại đất, nên phải miễn cưỡng ký vào các hợp đồng giao khoán và nộp sản lượng. Các hộ dân đã có đơn kiến nghị tập thể gửi Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là: UBND) tỉnh Đắk Lắk giải quyết, nhưng UBND tỉnh Đắk Lắk lại giao cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B (Sau đây viết tắt là: Công ty) giải quyết kiến nghị. Từ đó, Công ty khởi kiện các hộ dân ra Tòa án nhân dân huyện C. Quá trình giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân huyện C, Công ty cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số w 866982 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty ngày 31/12/2003, diện tích 847.400m², thuộc tiểu khu 552.

Nay chúng tôi nhận thấy chúng tôi đã sử dụng diện tích đất hợp pháp nhưng UBND tỉnh Đắk Lắk đã cấp quyền sử dụng đất cho Công ty, nên chúng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W866982 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B ngày 31/12/2003. Với những lý do sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W866982 cấp cho Công ty không đúng với thực trạng sử dụng đất tại địa phương, việc đề nghị cấp giấy có sự gian dối về nguồn gốc đất. Căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) cho Công ty không đúng. Quy trình cấp GCNQSDĐ không đúng quy định của pháp luật. Thẩm quyền cấp GCNQSDĐ là do UBND tỉnh chứ không phải Chủ tịch UBND tỉnh cấp. Công ty không thuộc đối tượng được giao đất sử dụng ổn định, mà những phần đất này thuộc quyền sử dụng của những người khởi kiện gồm các hộ gia đình sau: Hộ bà Ngô Thị S là 01 ha; hộ ông Lê Văn D là 0,7ha; hộ ông Nguyễn Văn H là 1,2ha; hộ ông Phan Xuân L là 0,6ha.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B trước đây gọi là Lâm trường B. Ngày 27/3/1980, Lâm trường được sát nhập vào Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E (Đắk Lắk) theo Quyết định số 297/TCh của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp. Ngày 28/5/1993, Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp có quyết định số 424/TCLĐ thành lập Doanh nghiệp nhà nước Lâm trường B thuộc Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E, với diện tích rừng và đất được giao là 16.940ha; đến ngày 18/5/1996, Công ty được đổi tên và bổ sung ngành nghề theo Quyết định số 953/QĐ-UB của UBND tỉnh Đắk Lắk. Thực hiện Quyết định số 187/1999/QĐ-Ttg của Thủ tướng chính phủ, UBND tỉnh đã có Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 21/3/2003 phê duyệt phương án đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý của Công ty đầu tư phát triển B. Theo đó, diện tích Công ty quản lý và sử dụng là 8.765 ha.

Ngày 15/8/2003, Công ty đầu tư phát triển B phối hợp với UBND huyện C và UBND xã E tổ chức ra soát lại toàn bộ diện tích rừng và đất do Công ty có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 28/11/2003, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi

cục kiểm lâm, UBND huyện C, UBND xã E và Công ty B tiến hành kiểm tra thực địa diện tích Công ty đang quản lý, sử dụng. Ngày 26/12/2003, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 981/TT-TNMT đề nghị UBND tỉnh cấp GCNQSDĐ cho Công ty với diện tích 6.651,2ha. Ngày 31/12/2003, UBND tỉnh ban hành các quyết định số 4500/QĐ- UBND, 4501/QĐ-UBND; 4502/QĐ-UBND; 4503/QĐ-UBND cấp GCNQSDĐ cho Công ty B. Trong đó quyết định số 4503/QĐ-UBND cấp các GCNQSDĐ số W 866995, diện tích 1.800.000m²; số W866982, diện tích 847.400m²; số W866980, diện tích 1.500.000m², mục đích sử dụng trồng cà phê.

Việc UBND tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số W866982 ngày 31/12/2003 đối với diện tích 847.400m² tại tiểu khu 552, xã E, huyện C cho Công ty TNHH MTV B là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của luật đất đai năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1993 được Quốc hội thông qua ngày 02/12/1998 và ngày 29/6/2001, Quyết định số 187/QĐ-TTg ngày 16/9/1999 của Thủ tướng chính phủ. Do vậy đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của những người khởi kiện, giữ nguyên giá trị pháp lý của GCNQSDĐ số W866982.

- Ông Phan Quốc T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B trình bày:

Những người khởi kiện trên đều là các hộ đã ký Hợp đồng nhận khoán vườn cây cà phê với công ty. Việc giao kết hợp đồng đều đã được hai bên thống nhất và được lập thành văn bản. Ban đầu, các hộ trên đều thực hiện theo đúng nội dung của Hợp đồng giao khoán, tuy nhiên sau đó đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với công ty nên công ty đã và đang khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện C.

Về nguồn gốc đất: Theo quyết định số 424/TCLĐ ngày 28/5/1993 của Bộ Lâm nghiệp thì Lâm trường B (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B) được giao quản lý 16.940ha đất. Toàn bộ diện tích đất trên địa bàn xã E và K đều nằm trong tổng số 16.940ha do Công ty quản lý. Năm 1996, Công ty lập dự án trồng và sản xuất kinh doanh cà phê và được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại quyết định số 1986/QĐ-UB ngày 14/10/1996 với diện tích 400 ha, tổng mức đầu tư 19.970.000.000 đồng. Diện tích 400ha để triển khai dự án trồng và sản xuất kinh doanh cà phê nằm trong diện tích 16.940ha đất do Công ty quản lý. Vườn cây cà phê do Công ty đầu tư vốn hoàn toàn từ vốn vay tại Ngân hàng X Việt Nam. Hiện nay, Công ty đang tổ chức giao khoán vườn cây cho các hộ dân nhận chăm sóc, căn cứ vào đơn xin nhận khoán của các hộ. Hằng năm, các hộ nhận khoán nộp sản lượng cà phê cho công ty theo hợp đồng giao khoán.

Năm 2003, toàn bộ diện tích 400ha của công ty được UBND tỉnh cấp các GCNQSDĐ số W866980, W866982, W866995. Năm 2007, thực hiện quyết định số 64/2005/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk

về việc ban hành quy định về rà soát hiện trạng sử dụng đất, xây dựng hoặc điều chỉnh, xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết, giao đất, cho thuê và cấp GCNQSDĐ đối với Nông Lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. UBND tỉnh đã thu hồi 2.894ha đất của Công ty để giao cho UBND huyện C quản lý theo quyết định 3532/QĐ-UBND ngày 31/12/2007. Đây là toàn bộ diện tích đất người dân tự khai hoang, diện tích nhà ở ổn định của người dân, đất giao khoán theo nghị định của chính phủ.

Như vậy, diện tích đất cà phê quốc doanh của Công ty đang được thực hiện giao khoán cho các hộ đã được UBND tỉnh cấp GCNQSDĐ không nằm trong tổng diện tích 2.894ha đất đã bàn giao cho UBND huyện C. Các hộ nhận khoán vườn cây cà phê cho rằng diện tích do người dân tự khai hoang là không đúng vì hiện nay đất vẫn do Công ty quản lý và đã được cấp GCNQSDĐ.

Từ những lý do trên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện.

- Ông Trần Chiến T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng X Việt Nam trình bày:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B (trước đây là Công ty Đầu tư phát triển B) đã thế chấp các tài sản là vườn cây cà phê, vườn cao su, vườn cây gỗ tẻch kèm theo các GCNQSDĐ số W866980, số W866995, số W866982, số W866994, số W782104 cho Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2003/HĐ ngày 09/01/2004, vốn vay sử dụng vào mục đích đầu tư dự án trồng và sản xuất, kinh doanh cà phê theo Quyết định số 1986/QĐ-UB của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tính đến ngày 28/8/2018, thì Công ty còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 22.020.849.466 đồng. Đối với nội dung khởi kiện của những người khởi kiện, Ngân hàng TMCP X Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2018/HC-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai của Chính phủ; khoản 11 Điều 1 Luật số 25/2001/QH10 ngày 29/6/2001 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị S; ông Lê Văn D, bà Võ Thị H; ông Nguyễn Văn H; ông Phan Xuân L, về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W866982 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty Đầu tư phát triển B ngày 31/12/2003 (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/11/2018, ông Phạm Công U là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Ngô Thị S, ông Phạm Xuân L, ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn D và bà Võ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại vì cho rằng Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, giải quyết vụ án ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bà Võ Thị H vắng mặt. Người bị kiện UBND tỉnh Đắk Lắk vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP X Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk, ông Lê Văn L1, anh Lê Văn L2, bà Võ Thị L, anh Phan Xuân Đ, bà Lê Thị B đều vắng mặt nhưng đã được Toà án tổng đạt hợp lệ lần hai nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính như đề nghị của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà, người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W866982 ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho công ty X B (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B); người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu của những người khởi kiện về việc huỷ một phần giá trị pháp lý của GCNQSDĐ số W866982 ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty Đầu tư phát triển B (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B), Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại khoản 2 Điều 36 Luật đất đai năm 1993 quy định "Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất thì cấp GCNQSDĐ. Trong trường hợp Chính phủ quyết định giao đất thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp GCNQSDĐ". Tại Điều 3 Nghị định số 04/2000 ngày 11/2/2000 về thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai; khoản 11 Điều 1 Luật số 25/2001/QH10 ngày 29/6/2001 của Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai. Như vậy tại thời điểm năm 2003 UBND tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số W866982 ngày 31/12/2003 cho Công ty Đầu tư phát triển Buôn Ja Wần là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về nội dung những người khởi kiện cho rằng việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 866982 được cấp không đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử xét thấy tại phần ký giấy chứng nhận của GCNQSDĐ số W866982 chỉ thể hiện chữ ký của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk mà không thể hiện nội dung "TM. ỦY BAN NHÂN DÂN" là thiếu sót, tuy nhiên thiếu sót về mặt hình thức là chưa đủ cơ sở để xác định việc cấp GCNQSDĐ là sai thẩm quyền. Bởi lẽ tại Quyết định cấp GCNQSDĐ số 4503/QĐ-UBND và tại nội dung của GCNQSDĐ số W866982 thì tên cơ quan cấp đều thể hiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là đúng theo quy định tại Mục 1 Phần III Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính. Mặt khác, việc Phó chủ tịch ký thay Chủ tịch là theo lĩnh vực được phân công ủy quyền thường xuyên là có căn cứ.

[5] Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ số W866982 ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 15/8/2003, Công ty đầu tư phát triển B phối hợp với UBND huyện C và UBND xã E tổ chức ra soát lại toàn bộ diện tích rừng và đất do Công ty có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 28/11/2003, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi cục kiểm lâm, UBND huyện C, UBND xã E và Công ty Đầu tư phát triển B tiến hành kiểm tra thực địa diện tích công ty đang quản lý, sử dụng. Ngày 26/12/2003, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 981/TT-TNMT đề nghị UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Đầu tư phát triển B với diện tích 6.651,2 ha. Ngày 31/12/2003, UBND tỉnh ban hành quyết định số 4503/QĐ-UBND cấp các GCNQSDĐ số W866980, diện tích 1.500.000m², W866982, diện tích 847.400m²; W 866995, diện tích 1.800.000m²; mục đích sử dụng trồng cà phê.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình cấp GCNQSDĐ số W866982 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện đúng theo các quy định tại Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; khoản 11 Điều 1 Luật số 25/2001/QH10 ngày 29/6/2001 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa

đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai của Chính phủ; phần II Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ. Hội đồng xét xử cũng xét thấy, mặc dù GCNQSDĐ có một số sai sót về hình thức như tại nội dung của giấy chứng nhận chưa thể hiện rõ số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần mục đích sử dụng, thời hạn sử dụng ghi chưa đúng hướng dẫn tại Phần III Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính. Tuy nhiên, những sai sót về hình thức này không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của những cá nhân đang thực hiện hợp đồng nhận khoán, cũng như Công ty Đầu tư phát triển B là tổ chức được giao quyền sử dụng đất. Do vậy việc hủy một phần giá trị pháp lý của GCNQSDĐ số W866982 là không cần thiết.

[6] Về nguồn gốc đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W866982 ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Theo quyết định số 424/TCLĐ ngày 28/5/1993 của Bộ Lâm nghiệp thì Lâm trường B được giao quản lý 16.940 ha đất. Năm 1996, Công ty lập dự án trồng và sản xuất kinh doanh cà phê và được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại quyết định số 1986/QĐ-UB ngày 14/10/1996 với diện tích 400 ha. Diện tích 400 ha để triển khai dự án trồng và sản xuất kinh doanh cà phê nằm trong diện tích 16.940 ha đất do công ty quản lý. Vườn cây cà phê do công ty đầu tư vốn hoàn toàn từ vốn vay tại Ngân hàng X Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk. Căn cứ vào đơn xin nhận khoán của các hộ thì công ty vẫn đang tổ chức giao khoán vườn cây cho các hộ dân nhận chăm sóc. Hằng năm, các hộ nhận khoán thực hiện nghĩa vụ nộp sản lượng cà phê cho Công ty theo hợp đồng giao khoán. Tại phiên tòa phúc thẩm những người khởi kiện thừa nhận có ký hợp đồng giao khoán với Công ty tuy nhiên họ cho rằng bị công ty ép buộc ký hợp đồng giao khoán nhưng không đưa ra được chứng cứ ép buộc nào. Đến thời điểm năm 2003, toàn bộ diện tích 400 ha của công ty được UBND tỉnh cấp GCNQSDĐ số: W866980, W866982, W866995. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không có tài liệu chứng cứ gì về việc xin khai hoang, kê khai, đăng ký sử dụng các lô đất này. Như vậy việc người khởi kiện cho rằng một phần diện tích thuộc giấy chứng nhận số W866982 là đất của các hộ dân khai hoang trước đó là không có căn cứ.

[7] Về nội dung những người khởi kiện cho rằng việc UBND tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ là kê khai gian dối, không đúng với hiện trạng sử dụng đất, có nhiều hộ đã có GCNQSDĐ xen giữa đất mà hàng năm Công ty thu sản lượng, GCNQSDĐ không có bản đồ phân ranh giới, ép người dân ký tên vào sổ nhận khoán. Thì thấy rằng: Trước khi cấp GCNQSDĐ, ngày 15/8/2003, Công ty đầu tư phát triển B phối hợp với UBND huyện C và UBND xã E đã tổ chức ra soát lại toàn bộ diện tích rừng và đất do Công ty có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 28/11/2003, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi cục kiểm lâm, UBND

huyện C, UBND xã E và công ty Đầu tư phát triển B tiến hành kiểm tra thực địa diện tích công ty đang quản lý, sử dụng. Việc Người khởi kiện cho rằng Công ty kê khai gian dối diện tích, có sự ép buộc khi ký hợp đồng giao khoán. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Về nội dung những người khởi kiện cho rằng các quyết định số 424/TCLD ngày 28/5/1993 của Bộ Lâm nghiệp và Quyết định số 1986/QĐ-UB ngày 14/10/1996 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành về việc "Quyết định đầu tư dự án nghiên cứu khả thi trồng và sản xuất kinh doanh cà phê của công ty Đầu tư phát triển B" được ban hành không đúng trình tự, thủ tục và đây không phải là căn cứ để ra quyết định giao đất cho Công ty. Tuy nhiên, tại nội dung đơn khởi kiện, những người khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định. Trường hợp những người khởi kiện cho rằng các quyết định nêu trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án hành chính khác khi có đầy đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật như cấp sơ thẩm đánh giá là đúng.

Như vậy, từ sự phân tích về thẩm quyền ban hành, hình thức và nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 866982 ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk tuy có thiếu sót về hình thức nhưng thiếu sót này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; thông qua vụ án cụ thể này đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk rút kinh nghiệm khi ban hành các văn bản trong quá trình thực hiện công tác quản lý hành chính nhà nước. Xét về nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 866982 giao quyền sử dụng đất cho công ty X B (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B) là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Trong giai đoạn phúc thẩm người khởi kiện, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

Từ những phân tích và lập luận trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy nội dung kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện không có căn cứ nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ngô Thị S, ông Lê Văn D, bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn H, ông Phan Xuân L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông Phạm Công U là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ngô Thị S, ông Lê Văn D, bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn H, ông Phan Xuân L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai của Chính phủ; khoản 11 Điều 1 Luật số 25/2001/QH10 ngày 29/6/2001 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính.

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị S; ông Lê Văn D, bà Võ Thị H; ông Nguyễn Văn H; ông Phan Xuân L, về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W866982 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty Đầu tư phát triển B ngày 31/12/2003 (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B).

2. Về án phí phúc thẩm hành chính:

- Bà Ngô Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu số 0011468 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lê Văn D, bà Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu 0011470 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011469 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Phan Xuân L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

Biên lai thu số 0011479 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường